

Sanh tử và tạo nghiệp đổ bể trôi buồm vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có thật tánh. Thấy rằng sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta “quán tưởng” ra là có thật tánh, là có thật, như ví dụ “hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm”.

1. Tại sao phải quán?

Số thức hành chuyển hóa tâm thức của Phật giáo chia yếu gồm ba pháp: Chơn (hay Đốn), Quán, và Chơn Quán song tu. Ba pháp này dựa vào ba khả năng của tâm thức con người: Sự tập trung (Chơn), sự quan sát có khi cũng thêm với sự tưởng tượng (Quán), và thức hành của hai cái này cùng một lúc.

Quán là quán sát (to examine), quán tưởng (to visualize), tưởng tượng (to imagine); các học giả Tây phương dịch cho Quán bằng ba động từ này. Mục đích của thức hành quán là để thấy sự thật vô ngã và vô pháp.

Sanh tử và tạo nghiệp đổ bể trôi buồm vào sanh tử là do thấy có ngã và có pháp. Nói cách khác, sanh tử là do vô minh chấp rằng ngã và pháp là có thật tánh. Thấy rằng sanh tử là do tâm thức vô minh của chúng ta “quán tưởng” ra là có thật tánh, là có thật, như ví dụ “hư không không có hoa đốm mà thấy ra có hoa đốm”. Vô minh “quán tưởng” ra sanh tử, như Duy thức tông nói sanh tử là do thức “biến”, nghĩa là thức “quán tưởng” ra. Thế nên, để tiêu trừ cái quán tưởng sai lầm và học việc này, chúng ta phải quán tưởng ngược lại: phải chánh quán rằng thật các pháp là vô thật tánh.

Thiền sư Tào Động Hư Nhãn (mất năm 1115) đời Lý nói:

Tác hữu trư n sa hữu

Vì không nhĩ t thĩ t không.

Có thể dễ dàng ra là: Lấy cái thực ở nông cạn mà nhìn thì thấy thật có. Lấy trí Bát-nhã sâu xa mà nhìn thì thấy thật không. “Bản lai vô nhĩ t vĩ t”, xưa nay không một vĩ t, như Lạc Tịch Huệ Năng nói.

Thì nên quán là quán theo trí huệ để thấy bằng trí huệ: để cái thấy làm cái thực là có sanh tử trừ đi trí huệ soi thấy sanh tử là không tử tánh. Như thế quán là để thấy rằng thực và tánh: để thấy rằng cái sanh tử thực và thật thấy rằng cái sanh tử là vô tử tánh, là tánh Không.

Sanh tử là do thực vô minh (bị mê lầm chấp tánh) của chúng ta quán thấy thành. Thì nên chúng ta phải quán ngược lại, để để sanh tử thực và thật thấy rằng cái nó là vô tử tánh, là tánh Không.

Nhiệm tin sai lầm rằng mọi sự có tử tánh là những che chướng ngăn cách chúng ta với sự thật. Sự quán thấy vô tử tánh sẽ làm những che chướng ấy rời rạc, dần dần để thực tại, sự thật của tất cả các pháp. Những che chướng ấy là phiền não che chướng và sự tri che chướng, cả hai đều được lập trên vô minh căn bản là tin thấy rằng có tử tánh. Xóa tan phiền não che chướng và sự tri che chướng đến một mức độ căn bản, chúng ta sẽ thấy thực tại tử tánh Không, vì thực tại tánh Không vốn luôn luôn hiển nhiên trước mắt chúng ta.

Tánh Không là Niết bàn, Con đường, và Quả của Đạo Phật. Tánh Không là niềm tin của tất cả các tông phái Phật giáo. Bản tông phái chính của Phật giáo Tây phương dựa vào tánh Không, nhất là dựa vào Trung Đạo của Bồ-tát Long Thụ.

Chúng ta, sự quán thấy Bản tôn (yidam) trong Kim Cương thừa, tại lúc khởi đầu, chúng ta, cho đến cuối cùng dựa vào tánh Không. Mọi nghi thức (sadhana) của các tông phái đều tuân theo trình tự này. Trước tiên, quy y và phát Bồ-đề tâm, rồi tiếp theo tánh Không quán thấy

đĩa mặt trời, mặt trăng, trên đó quán tánh ng B n tôn xuất hiện. Quán tánh ng B n tôn hòa nhập vào mình và tánh chú của B n tôn... Phóng ánh sáng đến tất cả chúng sanh... Cuộc thi khóa, mọi hiện tượng thế giới và chúng sanh tan hòa vào hành giới với cách là B n tôn, rồi hành giới tan hòa vào tánh Không và Tánh Quang. Cuộc cùng quán sát tánh Không cho đến khi không thấy đến nữa thì hết hành.

Theo các đời sơ Tây Tạng, sự quán tánh ng sắc thân của B n tôn (tức là Báo thân và Hóa thân của B n tôn) sự khi hành giới có đức Sắc thân, tức là Báo thân và Hóa thân. Đây là sự tích tập công đức. Đến thời, phải quán tánh ng hình tượng y là vô tướng, tuy xuất hiện nhưng vô tướng như những câu vãng. Sự quán tánh ng vô tướng hay tánh Không này khi hành giới có đức Pháp thân. Đây là sự tích tập trí huệ. Nói theo ngôn ngữ kinh Bát-nhã, quán sắc đức tích tập công đức, và quán “sắc tức thị Không” là đức tích tập trí huệ. Có hai sự tích tập này đức làm đến thời, theo các đời sơ Tây Tạng, là một điểm đức sắc của Kim C n ng thời.

Tánh Không là cái chung nhất của hành giới, với thế giới, với chúng sanh, với B n tôn và với chư Phật. Tánh Không y còn đức gọi là Pháp thân.

2. Quán tánh Không theo Trung Quán luận.

Trung Luận, như tất cả các luận khác của Phật giáo, không phải chỉ bình diện lý luận và phân tích. Điều quan trọng là những lý luận phân tích là để thực hành. Phật giáo đi theo tiến trình Văn (nghe, đức), T (t duy, phân tích) và Tu (thực hành). Nếu chỉ xem Trung Luận như một tác phẩm triết học xuất sắc như các học giả Tây phương thường quan niệm thì rất vô nghĩa vì đã bỏ mất phần thực hành của nó.

Chính vì để thực hành quán tánh ng nên mặc dù nhan đề của ngài Long Th là Trung Luận hay Trung Đạo Luận, nhưng về sau, các đời sơ Trung Hoa (nhất là Tam Luận tông) lại thêm vào chữ Quán thành Trung Quán luận. Điều này cũng hợp lý vì mọi phẩm theo bản dịch của C u Ma La Thập đều bắt đầu bằng chữ Quán hay Phá. Chẳng hạn phẩm I, Phá Nhân Duyên. Phẩm VII, Quán Tam Tạng. Thấy rằng tất cả các tác phẩm của ngài Long Th đều dùng chữ Pariksa, đức của David J. Kalupahana dịch là Examination (khảo sát, quán sát). (Xem *Mulamadhyamakakatika of Nagarjuna*, David J. Kalupahana dịch và chú thích, Delhi 1996).

Trung Quán luận có tất cả 27 phẩm, 27 chương để quán tánh Không.

Ở đây chúng ta chỉ nói sơ lược về một phẩm, Quán vô Pháp, phẩm XVIII, gồm có mười hai bài kệ, để tìm hiểu pháp quán của Trung Quán luận. Điều chúng ta có thể ghi nhận là Quán vô Pháp, tức là Pháp niêm x , một trong Bốn Niêm X (Thân niêm x , Thọ niêm x , Tâm niêm x , và Pháp niêm x) chung cho tất cả Phật giáo Nam truyền và Phật giáo Bắc truyền.

Muốn thực hiện pháp quán, chúng ta phải có một mặt để tiếp trung, một mặt để đỡ nhấc bàn, và đỡ nhấc càng sâu thì quán càng có hiệu lực. Đỡ nhấc càng sâu thì quán càng rõ.

1. Nếu ngã đang nhận biết năm uẩn, thì ngã là sanh diệt. Nếu ngã khác với năm uẩn thì ngã phải có một tính chất chung phải năm uẩn.

Chẳng lẽ ở đây với chỉ thể tánh đang nghĩa, chúng ta có thể dùng chỉ nào cũng được. Nếu cho là có một cái ngã bất biến, thì một là nếu ngã đang nhận biết năm uẩn, ngã phải sanh diệt. Điều này không thể. Hai là ngã khác với năm uẩn thì ngã chẳng dính dáng gì với năm uẩn. Điều này cũng vô lý. Thế nên các pháp không có ngã, không có thể tánh.

2. Không có ngã thì làm sao có cái gì thu摄 với ngã? Ngã và cái thu摄 với ngã diệt một nên được gọi là trí vô ngã.

Khi không thấy có ngã và nhận ng cái thu摄 với ngã, đó là trí huệ thấy được tánh Không, gọi là trí vô ngã.

3. Để đạt được trí vô ngã, đó là thể quán. Để đạt được trí vô ngã, người nào là hiếm có.

Thể quán là thấy ngã và pháp đều không có ngã, không có thể tánh. Trí vô ngã này đạt được khi bước vào Kiền Đề hoặc hay Thông Đạt. Còn gọi là Con đường Thấy (the path of seeing), theo cách dịch của Tây phương. Trí vô ngã là thấy trực tiếp tánh Không, không còn qua lý luận, phân tích, quan sát, nên còn được gọi là Căn bản trí hay Tự nhiên trí.

4. Ngã thì ở trong, cái thuộc ngã thì ở ngoài, cả hai đều t h t tr thành không có. Các th cũng đi t m t, th đi t thì thân đi t.

Nếu thân đi t t c là h t thân ki n, th t th y tánh Không. H t thân ki n là đ c Nh p L u (vào dòng), t ng b c đ u tiên trong b n b c Thánh c a con đ ng A La Hán. Đó cũng là đ a đ u tiên th t th y Pháp thân tánh Không trong m i đ a c a con đ ng B -tát.

B ng s an tr trong đ nh và quán t ng liên t c, các phi n não ch ng và s tri ch ng n n tiêu đi t, đ l bày tánh Không. Th t th y tr c ti p tánh Không đ c Thi n tông g i là Th y Tánh (Không). M t khi th t th y tánh Không ng i ta s đi ti p cho đ n khi tánh Không tr thành viên mãn. Giai đ n này Đ i th a nói chung là “Tu T p v ”, “Con đ ng thi n đ nh”, hay “s ch ng t ng ph n Pháp thân”.

5. Do nghi p và phi n não đi t, thì g i là Gi i Thoát. Nghi p và phi n não v n không th t, khi y nh p vào tánh Không, các h y lu n đi t h t.

Nếu kiên trì đi h t con đ ng Tu t p hay Con đ ng Thi n đ nh, ng i ta đ n đ c Con đ ng Không còn tu n a (Vô công đ ng đ o), hoàn toàn gi i thoát. S gi i thoát hoàn toàn đ c c Nam tông và B c tông g i là Không, Vô t ng, Vô nguy n. Đ i th a còn g i là Vô sanh pháp nh n.

6. Ch Ph t ho c thuy t gi ng v ngã, ho c thuy t gi ng v vô ngã. Trong th t t ng đ a t t c các pháp, không h có ngã và ch ng ph i ngã.

Trong tánh Không, ngã và ch ng ph i ngã ch là v ng t ng h y lu n. Nh L c T nói “B n lai vô nh t v t”.

7. Th t t ng đ a t t c các pháp thì đ t tuy t ngôn ng và tâm hành, không có sanh không có đi t, v n t ch đi t nh Ni t-bàn.

Quán tánh Không là thể tánh của tất cả các pháp, trong đó không có mọi ý niệm, ngôn ngữ, và tâm hành, không sanh cũng không diệt. Không sanh và không diệt vì, “Các pháp không sanh ra từ chính nó, không từ cái khác mà sanh, cũng không từ cả hai, cũng không phải không có nhân, thế nên, biệt các pháp vốn vô sanh”, như câu kệ đầu tiên của phẩm I, Quán Nhân Duyên.

8. Hết thảy pháp đều thế, và a thế và a chẳng thế, và chẳng phải thế chẳng phải phi thế. Đó là pháp của chơn Phật.

Quán tánh Không là thể cú (bốn câu: có, không, vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không), tuy tách bạch phi (đặt hết tất cả các “chẳng phải”). Là thể cú, tuy tách bạch phi là một câu nói thể tánh dùng trong Thiền tông. Chúng ta có thể nhớ đến bài kệ “Câu có, câu không” của vua Trần Nhân Tông.

9. Tất cả chẳng biết, không theo ai, tất cả đều không có ý luận. Không khác, không phân biệt. Đó chính là thể tánh Phật.

Khi quán thể tánh Không, thì tánh Không thể hiện bày trước mặt. Tánh Không thể hiện bày khi các thể tánh sai khác hiển bày đã tịch diệt.

10. Nếu pháp theo duyên sanh, thì pháp ấy không phải đang như thế cũng không phải khác biệt với nhân. Đó gọi là thể tánh Phật, chẳng đo lường cũng chẳng thể lường.

Ngã đo lường thể tánh, nhập đo lường thể tánh, thì thoát khỏi sanh tử, và có thể giúp người khác thoát khỏi sanh tử.

11. Chẳng phải là một, chẳng phải khác, chẳng phải thế cũng chẳng phải đo lường. Đó là vị cam lộ mà chơn Thiền Tôn giáo hóa.

Quán tánh không theo trung quán luận

Viết bởi Administrator

Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải đồng, chẳng phải đoan, đó là công án hay thoại đầu mà một vị tu Thiền theo phái Lâm Tế phải thấu qua. Thấu qua được thì vượt qua tất cả quan hay sanh tử quan.

12. Nếu Phật không xuất hiện ở thế gian, khi Phật pháp đã mất ở thế gian, các vị Bích Chi Phật do xa lìa thế gian mà phát sanh trí vô ngã này.

Trung Luận đã phá tất cả các thế gian. Khi các thế gian đều được xa lìa thì trí huệ Bát-nhã và tánh Không, cả hai hợp nhất, xuất hiện. *Kinh Kim Cáo* nói: “Lìa tất cả các thế gian gọi là chơn Phật”.

Tóm lại, Trung Quán luận, gồm 27 phẩm, là 27 pháp thực hành quán thế gian hàng ngày, ít nhất chúng sẽ bớt phiền não, bớt khổ đau, vì phiền não và khổ đau là do chấp ngã và chấp pháp. Khi phiền não và khổ đau bớt dần dần thì tự nhiên có hạnh phúc an lạc dần đó.

Đi với ngũ giới quy tắc tâm cao hơn, nghiên cứu (Văn), tu duy (Thiền), thực hành (Tu) liên tục, có khi may mắn có được sự hỷ lạc đến chỗ an nhàn thì nên tri thức, sẽ có lúc thực sự bước vào con đường đạo, thấy rõ thực tại và sống được tánh Không, và tiếp tục đi cho rốt ráo, viên mãn.

Chúng ta hãy chớ quên một bài thơ đoan trong *Bài ca Chơn Ngã trong Hang Tinh Quang* của Milarepa:

Thức dậy bởi dòng lệ sâu xa, bao la và kiên cố

Cả Bồ-đề tâm được phát dawning như mặt

Tôi nhìn trở đi trở lại vào tánh Không nên tịnh

Quán tánh không theo trung quán luận

Viết bởi Administrator

Vì sự chăm sóc dẫu dằng không chừng nhậm

Thoát ngoài mọi hy vọng và thất vọng.

Hãy biết rằng tôi đã du hành qua con đường thiển đnh tới đp này

Giờ đây tôi nhìn nó với quán thấy tuyệt.

Hãy biết tôi đã đến trong xứ không còn phải du hành;

Hãy biết tôi có biết mà không cần xây.

Hãy biết rằng tôi đang xem quang cảnh không thể thấy.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra quê nhà phúc lạc.

Hãy biết rằng tôi đã tìm ra người phải ngu thng hng.

Hãy biết rằng tôi cung cấp lợi lạc cho chính tôi và những người khác.

Đây là những kho tàng của Milarepa...